

UBND TỈNH HƯNG YÊN
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 2028/STNMT-ĐK, CGCN

“V/v thực hiện Nghị định số 101/2024/NĐ-CP
trên địa bàn tỉnh”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 06 tháng 8 năm 2024

- Kính gửi: - Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh;
- Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh;
- Trung tâm phục vụ HCC và KSTTHC - VP UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng Đăng ký đất đai;
- UBND các xã, phường, thị trấn;

Thực hiện Văn bản chỉ đạo số 2150/UBND - KT2 ngày 01/8/2024 của UBND tỉnh về việc tham mưu tổ chức thực hiện Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai (gọi tắt là *Nghị định số 101/2024/NĐ-CP*), Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ trì (chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường; UBND các xã, phường, thị trấn **phối hợp** với Văn phòng Đăng ký đất đai - chỉ đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố) và các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện việc: Xác định Địa giới đơn vị hành chính, Bản đồ địa chính; Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất (đăng ký lần đầu và đăng ký biến động); cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (sau đây gọi là *Giấy chứng nhận*) cho người sử dụng đất (tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư);

1. Địa giới đơn vị hành chính, Bản đồ địa chính

- Địa giới đơn vị hành chính

Địa giới đơn vị hành chính được lập theo đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh.

Hồ sơ địa giới đơn vị hành chính thể hiện thông tin về việc thành lập, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính và các mốc địa giới, đường địa giới của đơn vị hành chính đó;

- Bản đồ địa chính

+ Bản đồ địa chính là cơ sở để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai. Việc đo đạc lập bản đồ địa chính được thực hiện chi tiết đến từng thửa đất theo đơn vị hành chính cấp xã;

+ Bản đồ địa chính được lập để sử dụng cho các mục đích sau: Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; Thống kê, kiểm kê đất đai; lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; trưng dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; điều tra, đánh giá đất đai; Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng đất; xử lý vi phạm pháp luật đất đai và giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai;

+ Bản đồ địa chính phải được chỉnh lý khi có sự thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất và các yếu tố khác có liên quan đến nội dung bản đồ địa chính và đồng thời được cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

+ Bản đồ địa chính phải đưa vào lưu trữ theo pháp luật về lưu trữ; Việc khai thác bản đồ địa chính được thực hiện theo quy định về khai thác hồ sơ địa chính và khai thác hệ thống thông tin đất đai;

Văn phòng đăng ký đất đai cập nhật bản đồ địa chính vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai; kiểm tra, ký duyệt mảnh trích đo bản đồ địa chính phục vụ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh; kiểm tra, ký duyệt mảnh trích đo bản đồ địa chính phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện, trừ trường hợp quy định dưới đây của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai;

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai kiểm tra, ký duyệt mảnh trích đo bản đồ địa chính phục vụ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện.

UBND cấp xã phối hợp, hỗ trợ đơn vị đo đạc và đơn vị giám sát, kiểm tra, nghiệm thu trong quá trình thực hiện theo thiết kế kỹ thuật - dự toán hoặc phương án nhiệm vụ đo đạc lập bản đồ địa chính đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; báo cáo UBND cấp huyện tình hình đo đạc lập bản đồ địa chính và việc quản lý, sử dụng, biến động bản đồ địa chính tại địa phương; ký xác nhận bản đồ địa chính, mảnh trích đo bản đồ địa chính theo quy định; quản lý, bảo vệ điểm địa chính trên địa bàn.

Người sử dụng đất, người sử dụng đất liền kề, người quản lý đất, người quản lý đất liền kề, người dẫn đạc có trách nhiệm phối hợp với đơn vị đo đạc, cung cấp hồ sơ về thửa đất; chỉ dẫn, xác định ranh giới, mốc giới thửa đất tại thực địa; ký xác nhận ranh giới, mốc giới, thông tin thửa đất và chịu trách nhiệm với việc chỉ dẫn, ký xác nhận của mình.

+ Tách thửa đất, hợp thửa đất

Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai kiểm tra hồ sơ, đối chiếu quy định tại Điều 220 của Luật Đất đai để xác định điều kiện tách thửa đất, hợp thửa đất; kiểm tra các thông tin về người sử dụng

đất, ranh giới, diện tích, loại đất của các thửa đất trên hồ sơ lưu trữ, hồ sơ do người sử dụng đất nộp và thực hiện theo quy định đối với các trường hợp hồ sơ không đủ, đủ điều kiện, không thay đổi người sử dụng đất tách thửa đất, hợp thửa đất;

2. Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất; Cấp Giấy chứng nhận

2.1. Đăng ký đất đai

- Đăng ký đất đai là **bắt buộc** đối với người sử dụng đất và người được giao đất để quản lý;

- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người được giao đất để quản lý **đã** kê khai đăng ký **được** ghi vào hồ sơ địa chính và được **xem xét** cấp Giấy chứng nhận nếu đủ điều kiện theo quy định của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 (gọi tắt là Luật Đất đai);

+ Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, **không** yêu cầu nộp thêm giấy tờ, kê khai thêm thông tin mà Nghị định số 101/2024/NĐ-CP không quy định;

+ Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cơ quan giải quyết thủ tục **không tiếp nhận** hồ sơ **hoặc dừng** giải quyết thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất và **trả hồ sơ** cho người yêu cầu đăng ký, trừ trường hợp đăng ký đất đai lần đầu mà không cấp Giấy chứng nhận, trong các trường hợp sau:

Không thuộc thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ hoặc hồ sơ không đầy đủ thành phần hoặc không đảm bảo tính thống nhất nội dung thông tin giữa các giấy tờ hoặc kê khai nội dung không đầy đủ thông tin theo quy định;

Nhận được văn bản của cơ quan thi hành án dân sự hoặc cơ quan, người có thẩm quyền tố tụng yêu cầu tạm dừng hoặc dừng việc đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thuộc đối tượng **phải thi hành án** theo quy định của pháp luật;

Nhận được văn bản thông báo về việc **kê biên** tài sản thi hành án;

Nhận được văn bản của UBND cấp xã hoặc của UBND cấp huyện hoặc của UBND cấp tỉnh hoặc của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc **đã thụ lý** đơn yêu cầu hòa giải tranh chấp đất đai hoặc đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất;

Nhận được văn bản của Tòa án nhân dân có thẩm quyền về việc **đã thụ lý** đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất;

Nhận được văn bản của Trọng tài Thương mại Việt Nam về việc **thụ lý đơn** giải quyết tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại liên

quan đến đất đai, tài sản gắn liền với đất;

Nhận được văn bản yêu cầu dừng thực hiện thủ tục hành chính về đất đai để áp dụng biện pháp **khẩn cấp** tạm thời của cơ quan có thẩm quyền;

Trường hợp đăng ký biến động đất đai do nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đang được thế chấp và đã đăng ký tại Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai nhưng hồ sơ đăng ký nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho **không có** văn bản của bên nhận thế chấp về việc đồng ý cho bên thế chấp được chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;

Trường hợp chủ đầu tư đã thế chấp và đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở hoặc nhà ở hình thành trong tương lai, dự án đầu tư xây dựng công trình không phải là nhà ở, dự án đầu tư nông nghiệp, dự án khác có sử dụng đất hoặc công trình xây dựng thuộc các dự án này tại Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai mà chủ đầu tư chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bán tài sản gắn liền với đất **nhưng chưa thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi** để rút bớt tài sản thế chấp là tài sản đã chuyển nhượng, đã bán, trừ trường hợp bên nhận thế chấp và bên mua tài sản có thỏa thuận về việc tiếp tục dùng tài sản này làm tài sản thế chấp và thực hiện đăng ký thay đổi bên bảo đảm theo quy định của pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm.

Trường hợp đăng ký, cấp Giấy chứng nhận cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản thì Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chịu trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 41 của Nghị định số 101/2024/NĐ-CP và **không** chịu trách nhiệm về *điều kiện chuyển quyền sử dụng đất, bán nhà ở, bán công trình, hạng mục công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng và pháp luật về kinh doanh bất động sản*.

+ UBND cấp xã có trách nhiệm:

Tổ chức việc đăng ký đất đai trên địa bàn; hướng dẫn, tuyên truyền người sử dụng đất thực hiện việc đăng ký đất đai; kiểm tra, xử lý các trường hợp không đăng ký đất đai theo quy định của pháp luật;

Thực hiện các công việc quy định tại Điều 33 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP;

Thành lập Hội đồng đăng ký đất đai lần đầu (*sau đây gọi là Hội đồng đăng ký đất đai*) để tham mưu thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 33 của Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.

Thành phần Hội đồng đăng ký đất đai bao gồm đại diện lãnh đạo UBND

cấp xã, đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở cấp xã; công chức làm công tác địa chính, tư pháp ở cấp xã; người đứng đầu, Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, làng, ấp, điểm dân cư nơi có đất và các thành phần khác do UBND cấp xã quyết định.

Hội đồng đăng ký đất đai hoạt động theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số, thông qua họp trực tiếp hoặc gửi lấy ý kiến các thành viên. Kết quả tư vấn của Hội đồng đăng ký đất đai là căn cứ để UBND cấp xã thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 33 của Nghị định số 101/2024/NĐ-CP;

+ Nội dung xác nhận của UBND cấp xã trong việc đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu:

Xác nhận hiện trạng sử dụng đất có hay không có nhà ở, công trình xây dựng; tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất.

Ngoài nội dung xác nhận theo quy định trên, căn cứ vào trường hợp cụ thể, UBND cấp xã xác nhận các nội dung sau:

Trường hợp có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại khoản 7 Điều 137 của Luật Đất đai thì xác nhận đất sử dụng ổn định theo quy định tại khoản 38 Điều 3 của Luật Đất đai và khoản Điều 34 của Nghị định số 101/2024/NĐ-CP;

Trường hợp không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 137 của Luật Đất đai thì xác nhận nguồn gốc sử dụng đất; xác nhận việc sử dụng đất ổn định theo quy định tại khoản 38 Điều 3 của Luật Đất đai và khoản 4, khoản 5 Điều 34 của Nghị định số 101/2024/NĐ-CP;

Trường hợp đề nghị công nhận vào mục đích đất phi nông nghiệp quy định tại điểm d khoản 1, điểm d khoản 2, điểm d khoản 3 Điều 138 của Luật Đất đai, khoản 3 Điều 25, điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 26 của Nghị định số 101/2024/NĐ-CP và trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 của Luật Đất đai mà không thuộc khoản 5 Điều 25 của Nghị định số 101/2024/NĐ-CP, khoản 2 và khoản 3 Điều 140 của Luật Đất đai thì xác nhận sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện hoặc quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch xây dựng hoặc quy hoạch nông thôn; trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 140 của Luật Đất đai thì xác nhận sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất;

Trường hợp quy định khoản 1 Điều 139 của Luật Đất đai thì xác nhận sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng.

Trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 139 của Luật Đất đai thì xác nhận sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cho mục đích xây dựng công trình hạ tầng công cộng.

Khi xác nhận sự phù hợp với quy hoạch quy định nêu trên thì UBND cấp xã căn cứ vào quy hoạch **có hiệu lực** tại thời điểm xác nhận.

Trường hợp người sử dụng đất không có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận, cộng đồng dân cư được Nhà nước giao đất để quản lý thì UBND cấp xã xác nhận các nội dung quy định nêu trên.

Niêm yết công khai các nội dung xác nhận quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này đối với trường hợp người sử dụng đất có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 06/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP tại trụ sở UBND cấp xã, khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất trong thời gian 15 ngày, đồng thời thực hiện xem xét giải quyết các ý kiến phản ánh về nội dung đã công khai (nếu có).

Hoàn thiện hồ sơ và lập tờ trình theo Mẫu số 08/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP trình cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện.

2.2. Cấp Giấy chứng nhận:

- Được cấp cho người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng gắn liền với đất; Cấp theo từng thửa đất cho người có quyền sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất **có nhu cầu** và đủ điều kiện theo quy định của Luật Đất đai;

- Chỉ được cấp sau khi người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất **hoàn thành** nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật;

- Quyền sử dụng đất hoặc quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là **tài sản chung** của vợ và chồng thì phải ghi cả họ, tên vợ và họ, tên chồng vào Giấy chứng nhận, trừ trường hợp vợ và chồng **có thỏa thuận** ghi tên một người để đứng tên làm đại diện cho vợ và chồng;

- Thửa đất thuộc quyền sử dụng của **hộ gia đình** thì cấp một Giấy chứng nhận ghi đầy đủ tên thành viên (*do các thành viên này tự thỏa thuận và chịu trách nhiệm trước pháp luật*) có chung quyền sử dụng đất của hộ gia đình trên Giấy chứng nhận và trao cho người đại diện;

- Trình tự, thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình đang sử dụng đất

- + Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Nghị định số 101/2024/NĐ-CP đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 21 của Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.

- + Cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ và chuyển hồ sơ đến cơ quan giải quyết quy định dưới đây.

- + UBND cấp xã thực hiện các công việc quy định tại 0 của Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.

- + Cơ quan có chức năng quản lý đất đai **cấp huyện** thực hiện các công việc sau:

- Trích lục bản đồ địa chính đối với nơi đã có bản đồ địa chính;

- Đối với nơi chưa có bản đồ địa chính và trong hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đã có mảnh trích đo bản đồ địa chính thì **đề nghị** Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai kiểm tra, ký duyệt mảnh trích đo bản đồ địa chính theo

quy định tại điểm b khoản 5 Điều 9 của Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.

Trường hợp trong hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng chưa có mảnh trích đo bản đồ địa chính thì đề nghị cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện việc trích đo bản đồ địa chính.

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm kiểm tra, ký duyệt mảnh trích đo bản đồ địa chính hoặc thực hiện trích đo bản đồ địa chính trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được **đề nghị** của cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện, người sử dụng đất phải trả chi phí theo quy định;

+ Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất có nhu cầu chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng mà không có giấy tờ quy định tại điểm o khoản 1 Điều 28 của Nghị định số 101/2024/NĐ-CP thì gửi văn bản lấy ý kiến của cơ quan có chức năng quản lý về **xây dựng** cấp huyện về đủ điều kiện tồn tại nhà ở, công trình xây dựng đó. Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc cơ quan có chức năng quản lý về xây dựng cấp huyện có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho cơ quan có chức năng quản lý đất đai;

+ Kiểm tra việc đủ điều kiện hay không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận;

+ Chuyển Thông báo xác nhận kết quả đăng ký đất đai theo Mẫu số 03/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP đến nơi nộp hồ sơ để trả cho người yêu cầu đăng ký đối với trường hợp không có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận hoặc không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận; chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai để lập, cập nhật thông tin đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai;

Trường hợp có nhu cầu và đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận thì gửi Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai theo Mẫu số 12/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP đến cơ quan thuế để cơ quan thuế xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai để lập, cập nhật thông tin đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

2.3. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận

- Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận **lần đầu** đối với các trường hợp đăng ký **lần đầu mà có nhu cầu** cấp Giấy chứng nhận và trường hợp quy định tại điểm b khoản 7 Điều 219 của Luật Đất đai được quy định như sau

+ UBND cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất quy định tại các khoản 1, 2, 5, 6 và 7 Điều 4 của Luật Đất đai.

+ UBND cấp huyện cấp Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 4 của Luật Đất đai.

- Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận, xác nhận thay đổi đối với trường hợp đăng ký biến động được quy định như sau:

+ Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất là tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài;

+ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất là cá nhân, cộng đồng dân cư người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài;

+ Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai được sử dụng con dấu của mình để thực hiện cấp Giấy chứng nhận hoặc xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp.

(Thủ tục hành chính quy định về: Trình tự, thủ tục; tiếp nhận, thẩm định; kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; chuyển thông tin địa chính, thực hiện nghĩa vụ tài chính; điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bán nhà ở, công trình xây dựng của chủ đầu tư dự án; lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước đối với loại tài sản gắn liền với đất không có giấy tờ hoặc hiện trạng tài sản có thay đổi so với giấy tờ quy định; ... ký Giấy chứng nhận, trả kết quả;);

Sở Tài nguyên và Môi trường đăng tải nội dung Nghị định số 101/2024/NĐ-CP tại chuyên mục Văn bản mới trên trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường tại địa chỉ <https://sotnmt.hungyen.gov.vn> đề nghị quý cơ quan nghiên cứu và tổ chức thực hiện.

Vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ trì (chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường; UBND các xã, phường, thị trấn **phối hợp** với Văn phòng Đăng ký đất đai - chỉ đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố) và các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện Nghị định số 101/2024/NĐ-CP trên địa bàn theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- UBND tỉnh (thay báo cáo);
- Lãnh đạo Sở;
- Công thông tin điện tử Sở (để đăng tải);
- Lưu VT, ĐK-CGCN

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Kiên